

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày 11-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thi

Ông Nguyễn Văn Phiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tỉnh Hà Giang

tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Hình sự Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

- NGUYỄN HÀ S, sinh ngày 08/02/1996 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 07, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, con bà Lù Thị D; Vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/10/2013 bị Công an phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng pháo trái phép (đã xóa tiền sự). Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2024, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 01, phường Ngọc Hà, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

2. Anh Phạm Đức Long, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ 02, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

3. Anh Trần Ngọc Anh, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 03, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

4. Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 13, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

5. Anh Hà Quang T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 09, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

6. Bà Đinh Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 08, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

7. Chị Bùi Tuyết M, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 14, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

8. Anh Đàm Ngọc C, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 08, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị H, vắng mặt.

2. Bà Lò Thị D, ông Nguyễn Văn H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/8/2023, Trịnh Hồng Q và Nguyễn S Hà đã Tê xe ô tô biển kiểm soát 23A - 129.63 của chị Đoàn Thị T để Q sử dụng. Đến ngày 04/8/2023, bị cáo Nguyễn Hà S đã có hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 23006224, mang tên Nguyễn Hà S đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 23A - 129.63 đã Tê của chị Đoàn Thị T trước đó mang bán ông Nguyễn Hữu L, địa chỉ: tổ 01, phường Ngọc Hà, thành phố H với giá thỏa Tận là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên hành vi của S đã bị ông L phát hiện và trình báo đến Cơ quan Công an tố giác hành vi của S và Q.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hà S Khai nhận: Vào buổi trưa ngày 03/8/2023, khi bị cáo đang ở nhà, thì có Trịnh Hồng Q đến gặp và nhờ bị cáo Tê một chiếc xe ô tô để Q phục vụ nhu cầu đi lại của cá nhân. Bị cáo đồng ý và gọi điện thoại cho anh Trần Ngọc Anh để Tê xe, Ngọc Anh trả lời đang đi vắng và bảo bị cáo đến gặp chị Đoàn Thị T cùng làm dịch vụ cho Tê xe ô tô với Ngọc Anh để liên hệ Tê xe. Bị cáo đã cùng Q đến gặp chị T Tê được một chiếc xe ô tô nhãn H Toyota Vios, biển kiểm soát 23A - 129.63, trong cốp xe có sẵn 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô (bản sao có công chứng) của chị Đoàn Thị T và thanh toán tiền Tê xe cho chị T 02 ngày với giá 1.000.000 đồng/ngày, hai bên không làm hợp đồng Tê xe. Nhận xe ô tô xong Q điều khiển xe ô tô chở bị cáo đi chơi, đến tối thì Q đưa bị cáo về nhà ngủ còn Q tiếp tục sử dụng, quản lý xe ô tô (*bị cáo không biết lái xe ô tô*).

Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 04/8/2023, Q đến đón bị cáo và đưa cho bị cáo 01 giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô tên chủ xe ô tô đứng tên Nguyễn Hà S, biển kiểm soát 23A - 129.63; địa chỉ: Tổ 08, phường Q, thành phố H và bảo bị cáo mang xe đi cầm lấy tiền hộ Q. Bị cáo biết giấy Đăng ký xe ô tô Q đưa cho bị cáo là giấy đăng ký xe ô tô giả và sai địa chỉ nên bị cáo hỏi “*làm lúc nào đấy, không cầm đâu, sợ lắm*”, Q trả lời “*Anh hộ em đi, một hai hôm em lấy thôi*”. Nghe vậy, bị cáo nói “*Em nhờ người khác hộ đi*”, Q trả lời “*Em đặt tên anh rồi, anh hộ em lần này đi*”. Bị cáo nghe xong và nói “*không có chỗ nào để cầm*”, Q trả lời “*Cầm chỗ ông L ấy*”. Bị cáo đồng ý và gọi điện cho ông Nguyễn Hữu L trao đổi về việc cầm cố xe ô tô và bảo Q điều khiển xe đến nhà ông L. Đến nơi bị cáo đưa giấy chứng nhận

đăng ký xe ô tô giả, biển kiểm soát 23A - 129.63 đứng tên chủ xe là Nguyễn Hà S cho ông L xem, ông L cầm giấy đăng ký rồi ra ngoài kiểm tra xe. Ông L không nhận cầm cố mà chỉ đồng ý mua lại chiếc xe ô tô với giá 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*). Bị cáo đã viết giấy bán xe, để lại xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông L giữ, do ông L hẹn bị cáo buổi chiều có đủ tiền đến lấy sau, nên bị cáo cùng Q đi về. Khoảng 14 giờ cùng ngày, ông L gọi điện cho bị cáo đến nhà và yêu cầu bị cáo viết lại giấy mua bán xe khác với nội dung bị cáo bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 23A - 129.63 cho ông L với giá 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) và yêu cầu bị cáo đọc lại nội dung để ông L sử dụng điện thoại di động quay video lại làm căn cứ. Sau đó, ông L không nói cho bị cáo biết việc đã biết giấy đăng ký xe ô tô bị cáo đưa là giả. Ông L chưa đưa tiền cho bị cáo mà bảo bị cáo đi về chờ đến khi có đủ tiền thì quay lại lấy, nên bị cáo lại đi về.

Quá trình giải quyết ông L khai: Sau khi S và Q đến bán xe ô tô và đưa giấy đăng ký xe ô tô cho ông, đến khoảng 14 giờ ngày 04/8/2023 ông L chụp ảnh giấy đăng ký xe ô tô của S đưa và gửi chị Nguyễn Thị H, nhờ chị H tra cứu giúp, chị H trả lời giấy đăng ký xe ô tô, biển kiểm soát 23A - 129.63 mang tên Nguyễn S Hà là giả. Biết được sự việc, ông L đã gọi điện cho S đến nhà yêu cầu S viết lại giấy mua bán xe khác với nội dung bị cáo bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 23A - 129.63 cho ông L với giá 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) và yêu cầu bị cáo đọc lại nội dung để ông L sử dụng điện thoại di động quay video lại làm chứng cứ, ông L không nói cho S biết việc đã biết giấy đăng ký xe ô tô là giả, ông cũng chưa đưa tiền cho bị cáo S mà chỉ bảo S đi về chờ đến khi có đủ tiền thì quay lại lấy. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, chị T kiểm tra định vị chiếc xe đã cho Q và S Tê xe đang trong trạng thái dừng đỗ lâu ở khu vực tổ 01, phường Ngọc Hà, thành phố H nên đã gọi cho anh Ngọc Anh kiểm tra và phát hiện chiếc xe đang để ở trước cửa nhà ông L. Ngọc Anh gọi điện cho ông L thì được ông L cho biết việc S đã bán chiếc xe ô tô, biển kiểm soát 23A - 129.63 cho ông L. Sau khi trao đổi, ông L biết chiếc xe mà S bán có nguồn gốc là xe Tê của chị T nên đã tự nguyện trả lại chiếc xe cho chị T.

Sau khi trả xe, ông L gọi điện cho Q và S đến nhà nói cho Q biết giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mà cả hai mang đến để bán xe là giả. Khi bị cáo S đến, ông L gọi điện thoại cho anh Phạm Đức Long là người cùng góp vốn mua xe cũ với ông L đến giải quyết. Do trước đây, anh Long đã mua 03 chiếc xe ô tô từ Q nên khi biết được sự việc anh Long nghi ngờ 03 (ba) xe ô tô đó cũng không phải là xe chính chủ của Q. Khi đến nhà ông L, anh Long hỏi thì Q thừa nhận trong số 03 xe ô tô mà Q bán có 01 xe có giấy chứng nhận đăng ký là giả, do Q Tê người làm giả để bán xe cho anh Long. Tổng số tiền anh Long đã mua xe và trả cho Q là 750.000.000đ (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*), trong đó có cả tiền ông L cùng góp vốn. Ông L, anh Long yêu cầu Q phải trả lại số tiền 750.000.000đ nhưng Q nói không có tiền và xin nhận nợ.

Trong quá trình giải quyết sự việc, ông L, anh Long muốn giải quyết tình cảm với S và Q mục đích để lấy lại tiền của mình nên đã cùng Q, S đến nhà của anh Long tại tổ 03, phường Ngọc Hà, thành phố H, tỉnh Hà Giang để giải quyết tiếp. Tại đây, ông L, anh Long yêu cầu Q trả tiền nên Q đã gọi cho vợ là chị Bùi Tuyết M, chị M đến đồng ý đứng ra nhận trả số tiền nợ thay Q nhưng anh Long, ông L

không đồng ý và yêu cầu bố, mẹ đẻ của Q đến giải quyết, nên Q, S, M đi về. Sau đó Q cùng mẹ đẻ là bà Đinh Thị P đến gặp anh Long, ông L để giải quyết việc Q nợ tiền. Khi đến nơi Q gọi cho S cùng đến. Tại đây, anh Long nói cho bà P biết việc Q vay tiền của mình và sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả để bán xe. Anh Long nói chỉ muốn hai bên giải quyết tình cảm để trả tiền, bà P đồng ý nhận trả nợ thay Q rồi cùng nhau đi đến Văn phòng công chứng Hoàng Việt Trung tại tổ 21, phường M, thành phố H để cùng lập hợp đồng vay tiền không có lãi suất giữa bà P và ông L. Ký kết hợp đồng xong mọi người đi về nhà.

Đến trưa ngày 05/8/2023, Q rủ S đi đến nhà anh Hà Quang T1 (*sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 09, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang*) để hỏi vay số tiền 700.000.000 đồng nhưng vì số tiền vay lớn nên T1 không cho vay. Lo sợ Q không có tiền trả cho anh Long, ông L sẽ trình báo cơ quan chức năng về hành vi của mình nên bị cáo S thỏa Tận với T1 về việc bán mảnh đất của bị cáo tại tổ 08, phường Q, thành phố H với giá 750.000.000đ (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*), nhờ T1 ứng trước số tiền bán đất 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) để giúp Q trả nợ cho anh Long, ông L. Sau khi nhận được tiền, tin tưởng Q sẽ trả nốt tiền nợ cho mình nên anh Long đã trả lại xe ô tô mua trước đó và giấy tờ mua bán xe cho Q. Đến ngày 11/3/2024, Q chưa hoàn trả đủ số tiền còn nợ nên ông L đến Cơ quan Công an tố giác hành vi của Q, S.

* Vật chứng vụ án gồm:

- 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 23006224, mang tên Nguyễn Hà S, địa chỉ: Tổ 08, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, cấp ngày 10/7/2023 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang.

- 01 (Một) giấy bán xe ô tô đề ngày 04/7/2023, tên người bán Nguyễn Hà S, tên người mua Nguyễn Hữu L.

- 01 (Một) điện thoại di động đã qua sử dụng loại màn hình cảm ứng nhãn H Iphone 12 Pro, màu vàng cát, số IMEI: 353909592968932, IMEI2: 35390959200208 bên trong lắp 01 sim điện thoại Viettel trên sim có dãy số 8984048000029136067.

- 01 USB chứa video T trên điện thoại của Nguyễn Hữu L.

- 01 đĩa DVD-R, nhãn H MAXELL màu vàng do ông Phạm Đức Long giao nộp.

- 01 USB KINGSTON DTSE9 32 GB, màu bạc do anh Đàm Ngọc C giao nộp.

* Xử lý vật chứng:

Ngày 13/4/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 343/QĐ-ĐTTH trả lại cho Nguyễn Hà S: 01 (Một) điện thoại di động đã qua sử dụng loại màn hình cảm ứng nhãn H Iphone 12 Pro, màu vàng cát, số IMEI: 353909592968932, IMEI2: 35390959200208 bên trong lắp 01 sim điện thoại Viettel trên sim có dãy số 8984048000029136067 do S mua sau khi thực hiện hành vi phạm tội, không liên quan đến vụ án.

- Ngày 15/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiến hành ra Quyết định trưng cầu giám định: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 23006224, mang tên Nguyễn Hà S, địa chỉ: Tổ 8, phường Q, thành phố H cấp ngày 10/7/2023 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang.

Theo Kết luận giám định số: 124/KL-KTHS, ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cần giám định là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Theo Kết luận giám định số: 304/KL-KTHS ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Phòng kỹ Tật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận chữ ký, chữ viết trên giấy bán xe ô tô giữa Nguyễn Hà S và Nguyễn Hữu L so với các mẫu chữ ký, chữ viết trên các mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKSTPHG ngày 16/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Hà S về tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận giám định, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng T giữ và tài liệu T thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa. Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hà S phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà S từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về xử lý vật chứng: Theo quy định của pháp luật.

5. Về trách nhiệm dân sự: Không.

6. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo nhận thấy hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do

đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[3]. Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hà S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 03/8/2023, Trịnh Hồng Q và Nguyễn Hà S đã Tê xe ô tô biển kiểm soát 23A - 129.63 của chị Đoàn Thị T để Q sử dụng. Đến ngày 04/8/2023, bị cáo Nguyễn Hà S đã có hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 23006224, mang tên Nguyễn Hà S đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 23A - 129.63 đã Tê của chị Đoàn Thị T trước đó mang bán ông Nguyễn Hữu L, địa chỉ: Tổ 01, phường Ngọc Hà, thành phố H với giá thỏa Tận là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên hành vi của S đã bị ông L phát hiện và trình báo đến Cơ quan Công an tố giác hành vi của S và Q.

[4]. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hà S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[5]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và pháp luật xã hội chủ nghĩa. Bị cáo S là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định, mặc dù biết rõ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Q đưa cho là giả nhưng bị cáo vẫn cố ý sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[5]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu Tộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là người có công với Nhà nước nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7]. Do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định. Xét thấy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Nên không cần thiết phải cách

ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ mức răn đe, giáo dục bị cáo và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[8]. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo do bị cáo là người lao động tự do, không có T nhập ổn định.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Chi Đoàn Thị T đã nhận được tiền Tê xe và nhận lại xe ô tô nhãn H Toyota Vios, biển kiểm soát 23A - 129.63. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có đề nghị gì đối với bị cáo, do vậy HĐXX không giải quyết.

[10]. Đối với việc ông Nguyễn Hữu L là người đã thỏa Tân mua xe ô tô với bị cáo S, nhưng do ông L phát hiện ra giấy tờ xe là giả nên đã không thanh toán tiền cho bị cáo. Do chưa có thiệt hại nên ông L không đề nghị giải quyết về phần thiệt hại dân sự là phù hợp.

[11]. Đối với Trịnh Hồng Q hiện không có mặt tại địa phương, bản thân bị cáo Nguyễn Hà S không có yêu cầu giải quyết về số tiền 400.000.000đ đã cho Q vay. Do vậy, không xem xét xử lý là phù hợp.

[12]. Về xử lý vật chứng: 01 (Một) điện thoại di động đã qua sử dụng loại màn hình cảm ứng nhãn H Iphone 12 Pro, màu vàng cát, số IMEI: 353909592968932, IMEI2: 35390959200208 bên trong lắp 01 sim điện thoại Viettel trên sim có dãy số 8984048000029136067 là điện thoại của bị cáo S mua sau khi thực hiện hành vi phạm tội, không liên quan đến vụ án nên ngày 13/4/2024 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo S là phù hợp.

[13]. Đối với chiếc điện thoại mà bị cáo S sử dụng liên lạc với ông L để mua bán xe ô tô vào ngày 04/8/2023. Bị cáo S khai nhận trong quá trình sử dụng đến cuối năm 2023 bị hỏng nên bị cáo đã vứt đi. Do vậy không có căn cứ để truy tìm, T giữ.

[14] Đối với 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 23006224, mang tên Nguyễn Hà S, địa chỉ: Tổ 08, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, cấp ngày 10/7/2023 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang. 01 (Một) giấy bán xe ô tô đề ngày 04/7/2023, tên người bán Nguyễn Hà S, tên người mua Nguyễn Hữu L. 01 USB chứa video T trên điện thoại của Nguyễn Hữu L. 01 đĩa DVD-R, nhãn H MAXELL màu vàng do ông Phạm Đức Long giao nộp. 01 USB KINGSTON DTSE9 32 GB, màu bạc do anh Đàm Ngọc C giao nộp. Xét thấy, đây là vật chứng của vụ án nên cần được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[15]. Ngoài hành vi Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, Nguyễn Hà S, Trịnh Hồng Q còn có dấu H của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do hiện nay Q không có mặt tại nơi cư trú. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã tách hành vi, tiếp tục xác minh, T thập tài liệu, khi đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[16]. Đối với ông Nguyễn Hữu L, Phạm Đức Long: Sau khi phát hiện Q đã làm giả giấy tờ để bán 03 chiếc xe ô tô cho anh Long, ông L, do muốn lấy lại số tiền chung khi mua xe nên đã yêu cầu Q trả lại tiền. Bị cáo Nguyễn Hà S tự nguyện

trả giúp Q số tiền 400.000.000đ (*bốn trăm triệu đồng*). Hành vi yêu cầu Q trả tiền, của anh Long, ông L không có dấu H của tội Cường đoạt tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định nên chấp nhận.

[17]. Đối với hành vi làm giả giấy tờ của Q để bán 03 chiếc xe ô tô cho anh Long, ông L hiện chưa đủ căn cứ để xử lý, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh T thập tài liệu, chứng cứ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[18]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hà S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 2, điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hà S phạm tội "*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà S 10 (*Mười*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (*Hai mươi*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 11/9/2024. Giao bị cáo Nguyễn Hà S cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang và gia đình bị cáo quản lý, giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Hình phạt bổ sung: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch T 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 23006224, mang tên Nguyễn Hà S, địa chỉ: Tổ 08, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, cấp ngày 10/7/2023 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Giang; 01 (Một) giấy bán xe ô tô đề ngày 04/7/2023, tên người bán Nguyễn Hà S, tên người mua Nguyễn Hữu L; 01 USB chứa video T trên điện thoại của Nguyễn Hữu L. 01 đĩa DVD-R, nhãn H MAXELL màu vàng do ông Phạm Đức Long giao nộp; 01 USB KINGSTON DTSE9 32 GB, màu bạc do anh Đàm Ngọc C giao nộp (*Đã lưu theo hồ sơ vụ án*).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hà S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Công an TP Hà Giang;
- CQ THAHS CATP Hà Giang
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND P. Q, TP. HG;
- Lưu hồ sơ HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Bình

